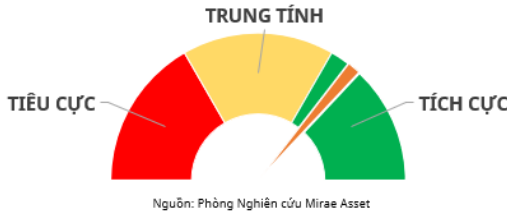


Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn

01 Tháng 08, 2022



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,231.35	2.1	2.7	-6.0
HNX	294.62	2.1	5.6	-6.4
UPCOM	89.91	0.3	2.0	3.4
MSCI EM	993.78	-0.4	0.1	-22.2
NIKKEI	27,993.35	0.7	7.9	2.6
HANG SENG	20,165.84	0.0	-7.7	-22.3
KOSPI	2,452.25	0.0	6.4	-23.4
FTSE	7,455.46	0.4	4.0	6.0
S&P 500	4,130.29	1.4	8.0	-6.0
NASDAQ	12,390.69	1.9	11.3	-15.6

Nhận định thị trường

Rời Đáy Tháng 7

Như vậy sau thời gian dài chờ đợi, VN-Index đã có phiên giao dịch tăng mạnh kèm theo khối lượng giao dịch nhẩy vọt tạo hình cây nến tăng điểm ẩn tượng, qua đó bút tốc rời xa khỏi vùng đáy đầu tháng 7. Có thể nói đây là phiên giao dịch mang lại tâm lý phấn khởi cho nhà đầu tư với sắc xanh ngập tràn các sàn giao dịch kèm theo nhiều mã tăng điểm mạnh. Kết thúc phiên giao dịch đầu tiên của tháng 8 một cách suôn sẻ, VN-Index nhẩy vọt 25 điểm, tương ứng với 2,1% và đóng cửa tại 1.231 điểm. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 16.195 tỷ đồng, HNX: 1.597 tỷ đồng, UPCOM: 1.047 tỷ đồng

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.1	2.0	15.6
Indonesia	15.1	2.1	13.7
Philippines	18.2	1.5	8.9
Malaysia	16.3	1.5	9.1
Thailand	17.2	1.2	9.1

Với phiên tăng mạnh như hôm nay, không bất ngờ khi toàn sàn HOSE ghi nhận đến 359 mã tăng, gấp hơn 3 lần so với số mã giảm là 105. Điểm tích cực là đà tăng trải đều chứ không tập trung vào một vài nhóm đơn lẻ và không có nhóm nào bị bỏ lại phía sau, khi trong số 359 mã tăng chỉ có 12 mã chạm trần. Nhóm Chứng khoán có độ nhạy lớn với thị trường luôn là nơi phản ánh nhanh và mạnh nhất khi SSI, FTS, VND và CTS tăng trần, VCI và SHS tăng 6% và 8%, thấp nhất là HCM cũng tăng 3,6%. Bên cạnh đó, nhóm Thép đánh dấu sự trở lại với HSG và NKG tăng trần, HPG tăng đến 6%. Đáng chú ý, rất ít khi toàn bộ nhóm VN30 đều chung một sắc xanh như hôm nay.

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.0	0	0	0
5 năm	3.1	3	68	202
10 năm	3.5	3	29	134

Khối ngoại hôm nay tiếp tục xu hướng mua ròng với giá trị hơn 620 tỷ đồng, trong đó SSI và STB được mua ròng mạnh nhất với giá trị lần lượt 113 tỷ và 104 tỷ.

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,354	0.0	-0.3	-1.7
US\$/KRW	1,304.1	-0.4	-0.5	-11.7
US\$/JPY	132.3	0.7	2.2	-17.4
US\$/EUR	1.0	-0.5	1.6	15.6
US\$/GBP	0.8	-0.4	-1.0	13.6
US\$/SGD	1.4	0.3	1.5	-1.7

Phiên giao dịch tăng điểm mạnh và điểm số kỹ thuật vẫn được duy trì ở mức cao. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức +5, thể hiện trạng thái KHẢ QUAN trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 13,1x.

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

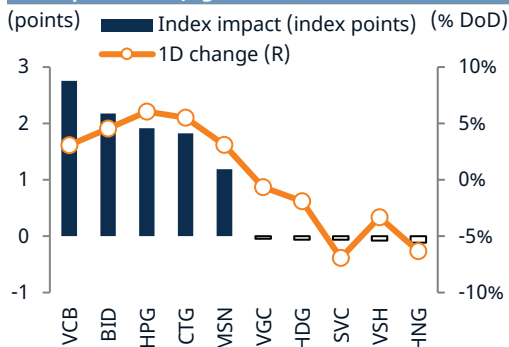
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	551	438	903
HNX	52	49	118
UPCOM	30	29	70

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	4	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	6	KHẢ QUAN
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

Các cổ phiếu tác động VN-Index



(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae

Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

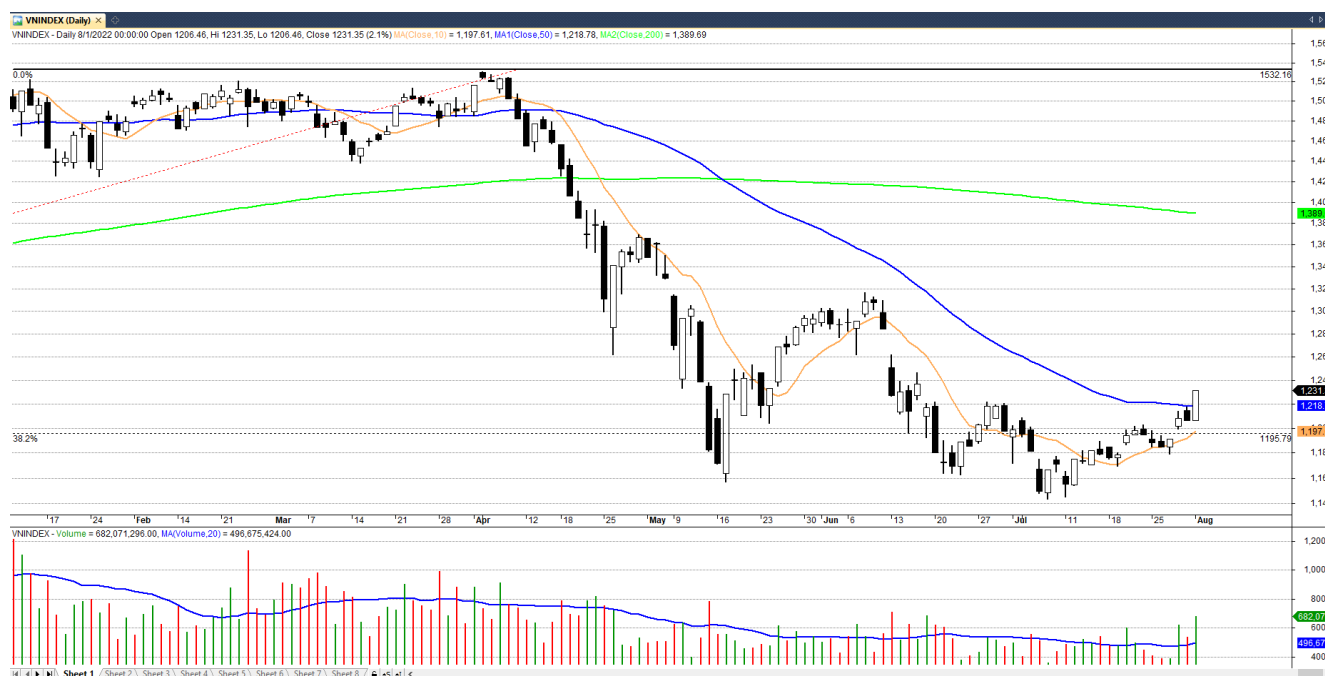
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (01/08/2022)	Kháng cự 1	1.260
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.200
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.170

Cây nến trắng dài tăng điểm kèm theo đường MA50 bị xuyên thủng từ dưới lên hỗ trợ mạnh cho xu hướng phục hồi & tăng điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

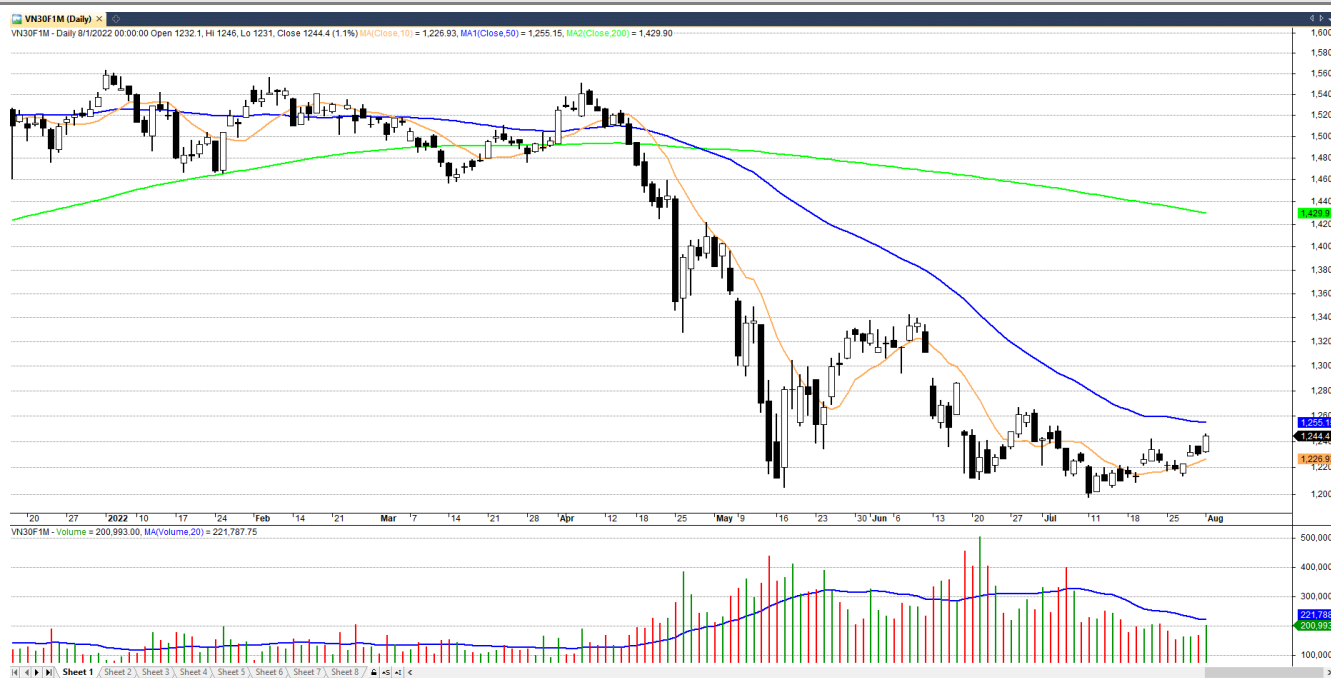
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (01/08/2022)	1.244,4	Kháng cự 1	1.220
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2	1.260
VN30 - đóng cửa	1.256	Hỗ trợ 1	1.200
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-11,8	Hỗ trợ 2	1.180

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	6	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	6	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	4	KHẢ QUAN

VN30F1M có phiên tăng điểm và diễn biến tương tự như cơ sở, các điểm kỹ thuật đã chuyển sang khả quan.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
SAB	Sản xuất bia	181,000	112,350	97	5	
VCB	Ngân hàng	77,000	979,715	89	5	Top sức mạnh ngành
MBS	Chứng khoán	23,700	1,448,020	97	5	Top sức mạnh ngành
BVH	Bảo hiểm nhân thọ	59,200	1,246,730	75	5	Top sức mạnh ngành
IJC	Bất động sản	20,700	1,102,365	77	5	
STB	Ngân hàng	25,200	16,332,005	88	5	Top sức mạnh ngành
SZC	Bất động sản	53,400	775,200	76	5	
VCI	Chứng khoán	43,000	4,411,030	100	5	Top sức mạnh ngành
SHS	Chứng khoán	14,200	11,263,740	99	5	Top sức mạnh ngành
GVR	Nhựa, cao su & sợi	24,700	1,647,180	84	5	
BID	Ngân hàng	39,000	2,058,830	87	5	Top sức mạnh ngành
FTS	Chứng khoán	33,950	940,935	95	5	Top sức mạnh ngành
HCM	Chứng khoán	27,050	7,413,535	70	5	Top sức mạnh ngành
VGC	Vật liệu xây dựng	60,800	1,105,750	72	4	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
KBC	39.55	4,792,960	7	KHẢ QUAN	30,359	45.7	2.1	190
PNJ	117	608,445	7	KHẢ QUAN	28,357	22.0	3.5	71
VPI	65.5	1,070,590	6	KHẢ QUAN	14,410	35.5	4.7	70
NT2	26.2	1,452,940	6	KHẢ QUAN	7,542	8.4	1.7	38
VND	20.4	22,274,684	5	KHẢ QUAN	24,844	5.8	1.7	454
STB	25.2	16,332,005	5	KHẢ QUAN	47,507	13.2	1.3	412
DIG	39.55	9,169,730	5	KHẢ QUAN	24,120	22.5	3.2	363
HCM	27.05	7,413,535	5	KHẢ QUAN	12,368	10.7	1.6	201
MBB	26.5	7,424,725	5	KHẢ QUAN	100,126	6.4	1.5	197
GEX	23.8	8,111,680	5	KHẢ QUAN	20,266	28.1	1.6	193
VCI	43	4,411,030	5	KHẢ QUAN	14,405	9.5	2.0	190
TCB	38.6	4,612,115	5	KHẢ QUAN	135,521	6.7	1.3	178
SHS	14.2	11,263,740	5	KHẢ QUAN	6,547	9.3	1.2	160
VHM	60	2,375,020	5	KHẢ QUAN	261,262	9.3	2.2	143
HBC	21.4	5,464,460	5	KHẢ QUAN	5,257	52.5	1.4	117
GAS	107.9	754,660	5	KHẢ QUAN	206,515	16.1	3.5	81
BID	39	2,058,830	5	KHẢ QUAN	197,282	15.2	2.2	80
PVD	17.5	4,586,080	5	KHẢ QUAN	8,844	154.6	0.6	80
VIX	11.8	6,506,330	5	KHẢ QUAN	6,480	5.7	1.0	77
VCB	77	979,715	5	KHẢ QUAN	364,404	#N/A N/A	#N/A N/A	75
BVH	59.2	1,246,730	5	KHẢ QUAN	43,946	24.9	2.0	74

NLG	41.25	1,673,355	5	KHẢ QUAN	15,796	20.2	1.8	69
BCG	15.9	4,069,325	5	KHẢ QUAN	8,003	8.4	1.3	65
GMD	52.5	1,152,625	5	KHẢ QUAN	15,822	19.4	2.3	61
ACB	25	2,362,590	5	KHẢ QUAN	84,436	7.2	1.6	59
TNG	27.7	2,098,075	5	KHẢ QUAN	2,773	9.5	1.9	58
VIB	26.65	2,132,525	5	KHẢ QUAN	56,169	7.8	2.0	57
TCH	12.25	3,964,345	5	KHẢ QUAN	8,186	15.9	0.9	49
VRE	29	1,626,815	5	KHẢ QUAN	65,897	50.8	2.1	47
ASM	15.75	2,824,940	5	KHẢ QUAN	5,267	6.3	1.0	44
DPG	45.5	934,875	5	KHẢ QUAN	2,866	7.7	1.9	43
SZC	53.4	775,200	5	KHẢ QUAN	5,340	19.3	3.8	41
GVR	24.7	1,647,180	5	KHẢ QUAN	98,800	21.0	2.0	41
KSB	28.3	1,321,370	5	KHẢ QUAN	2,159	11.1	1.2	37
HDB	24.7	1,489,895	5	KHẢ QUAN	49,702	7.1	1.5	37
MBS	23.7	1,448,020	5	KHẢ QUAN	6,342	9.4	1.7	34
FTS	33.95	940,935	5	KHẢ QUAN	6,513	8.5	2.0	32
PHR	68	456,985	5	KHẢ QUAN	9,214	13.9	2.8	31
PAN	23.7	1,303,215	5	KHẢ QUAN	4,951	12.7	1.2	31
VPG	31.3	874,715	5	KHẢ QUAN	2,510	6.4	1.6	27
POW	13.5	10,685,790	4	KHẢ QUAN	31,615	20.0	1.1	144
IDC	62.3	2,113,310	4	KHẢ QUAN	20,559	31.3	4.9	132
HAH	66.6	1,289,535	4	KHẢ QUAN	4,555	7.3	2.4	86
KDC	70	1,214,530	4	KHẢ QUAN	17,614	31.3	2.6	85
VGC	60.8	1,105,750	4	KHẢ QUAN	27,260	14.0	3.5	67
VJC	127.1	493,830	4	KHẢ QUAN	68,839	351.6	4.0	63
PC1	37.2	1,372,995	4	KHẢ QUAN	8,748	17.9	1.8	51
IDI	19	2,508,885	4	KHẢ QUAN	4,325	8.4	1.3	48
HQC	5.12	8,659,710	4	KHẢ QUAN	2,440	300.6	0.6	44
GEG	21.55	1,492,590	4	KHẢ QUAN	6,938	22.2	2.0	32
TCM	44.3	598,040	4	KHẢ QUAN	3,630	28.6	2.0	26
HPG	22.8	20,854,196	3	TRUNG TÍNH	132,577	4.8	1.3	475
SSI	22.8	19,072,804	3	TRUNG TÍNH	33,975	8.5	1.6	435
VPB	29.1	9,219,580	3	TRUNG TÍNH	129,363	7.8	1.4	268
DXG	26.3	9,181,320	3	TRUNG TÍNH	15,978	21.5	1.7	241
CEO	32.8	5,912,795	3	TRUNG TÍNH	8,441	57.5	2.8	194
SHB	15.05	11,341,730	3	TRUNG TÍNH	40,136	6.3	1.1	171
CTG	28.7	4,259,800	3	TRUNG TÍNH	137,925	9.4	1.4	122
VNM	73.5	1,643,590	3	TRUNG TÍNH	153,612	18.1	4.5	121
LPB	15.75	7,494,420	3	TRUNG TÍNH	23,681	4.9	1.0	118
NVL	74.7	1,509,005	3	TRUNG TÍNH	145,653	45.2	4.0	113
HUT	30.4	3,695,745	3	TRUNG TÍNH	10,598	57.9	2.7	112
CII	20.8	4,515,340	3	TRUNG TÍNH	5,246	16.6	1.0	94
VCG	23.3	3,579,595	3	TRUNG TÍNH	11,321	10.2	1.7	83
HDC	46.85	1,495,015	3	TRUNG TÍNH	5,064	14.7	3.2	70
PDR	53.7	1,276,635	3	TRUNG TÍNH	36,000	17.2	4.7	69
SCR	12.05	4,643,125	3	TRUNG TÍNH	4,415	33.6	0.9	56
CTD	62	825,080	3	TRUNG TÍNH	4,579	#N/A N/A	0.6	51
LCG	12.15	4,170,135	3	TRUNG TÍNH	2,095	11.2	0.9	51

FCN	15.95	2,725,875	3	TRUNG TÍNH	2,511	81.8	0.9	43
KDH	38.5	815,455	3	TRUNG TÍNH	27,598	21.9	2.5	31
BSR	24.4	11,858,620	2	TRUNG TÍNH	75,652	11.6	2.0	289
PVS	23.5	6,062,815	2	TRUNG TÍNH	11,232	21.1	0.9	142
DCM	30.05	3,918,580	2	TRUNG TÍNH	15,908	4.3	1.6	118
VHC	82.2	1,009,170	2	TRUNG TÍNH	15,074	7.4	2.1	83
HDG	51.9	1,366,710	2	TRUNG TÍNH	12,695	12.0	2.8	71
MSN	109.4	640,510	2	TRUNG TÍNH	155,755	15.3	5.3	70
ANV	45	1,210,650	2	TRUNG TÍNH	5,721	11.7	2.1	54
AAA	12.45	4,340,765	2	TRUNG TÍNH	4,759	13.5	0.8	54
DGW	60.4	596,605	2	TRUNG TÍNH	9,931	13.5	4.6	36
PVT	19.6	1,730,645	2	TRUNG TÍNH	6,344	9.8	1.2	34
HHV	14.8	1,974,315	2	TRUNG TÍNH	3,957	13.5	0.6	29
ITA	7.52	6,985,790	1	TRUNG TÍNH	7,056	22.1	0.6	53
NKG	19	8,767,440	0	TRUNG TÍNH	5,002	2.7	0.8	167
HSG	18.1	6,953,760	0	TRUNG TÍNH	9,021	4.3	0.8	126
LDG	9.64	3,171,975	0	TRUNG TÍNH	2,308	17.0	0.7	31
MWG	61.3	3,031,005	-2	TRUNG TÍNH	89,725	18.2	4.0	186
DPM	45.45	2,974,635	-2	TRUNG TÍNH	17,786	3.5	1.5	135
FPT	84	1,440,900	-2	TRUNG TÍNH	92,150	18.6	4.7	121
VIC	64.7	1,303,260	-2	TRUNG TÍNH	246,762	#N/A N/A	2.4	84
REE	76	951,395	-2	TRUNG TÍNH	27,011	11.5	1.9	72
TPB	27.25	1,692,805	-2	TRUNG TÍNH	43,103	7.8	1.5	46
FLC	5.7	5,859,345	-2	TRUNG TÍNH	4,047	#N/A N/A	0.4	33
HAG	11.35	20,712,556	-4	TIÊU CỰC	10,526	14.9	2.3	235
FRT	74	1,440,025	-4	TIÊU CỰC	8,767	14.8	4.8	107
VOS	16.65	1,830,415	-4	TIÊU CỰC	2,331	4.0	1.8	30
MIG	23.4	1,206,340	-4	TIÊU CỰC	3,848	19.7	1.8	28
DGC	91	2,347,100	-6	TIÊU CỰC	33,783	7.3	3.7	214
DBC	25.3	6,002,675	-6	TIÊU CỰC	6,123	22.4	1.3	152
HNG	6.08	13,408,085	-7	TIÊU CỰC	6,740	#N/A N/A	2.4	82

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Eurozone tăng trưởng vượt dự báo, lạm phát cao kỷ lục

Kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu (eurozone) bất ngờ tăng tốc trong quý II. Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng của khu vực này phần nào bị ảnh hưởng từ việc Nga tiếp tục cắt giảm nguồn cung khí đốt tới lục địa già. Theo đó, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của eurozone tăng 0,7% trong quý II, theo thông tin vừa được Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) công bố. Con số trên thực tế cao hơn dự báo tăng 0,2% của giới chuyên gia đồng thời vượt qua tốc độ tăng trưởng của quý I. Dù đối diện với không ít thách thức, tăng trưởng của khu vực này đối lập hoàn toàn với nền kinh tế số một thế giới với hai quý sụt giảm liên tiếp, do được hưởng lợi từ quá trình mở cửa sau đại dịch. Tuy nhiên, ngày càng nhiều chuyên gia kinh tế và tổ chức dự báo eurozone sẽ rơi vào suy thoái trong năm sau. Trước đó, Nomura dự báo kinh tế eurozone sụt giảm 1,2% trong năm 2023 trong khi Berenberg thiên về mức giảm 1% trong cùng giai đoạn. Ngay cả Ủy ban châu Âu (EC) cũng lên tiếng thừa nhận rằng khả năng xảy ra một cuộc suy thoái là có thật. Thậm chí, lạm phát có thể xảy ra ngay trong năm nay nếu như Nga cắt đứt hoàn toàn nguồn cung khí đốt tới khu vực này. Dữ liệu GDP được công bố trong bối cảnh lạm phát của khu vực thiết lập đỉnh mới. Theo Eurostat, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7 của eurozone tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2021, cao hơn mức tăng 8,6% trong tháng trước và dự báo tăng 8,7% của Bloomberg. Đóng góp lớn vào mức tăng CPI kỷ lục là chi phí năng lượng và lương thực.

PMI tháng 7 đạt trên 51 điểm, sản xuất được mở rộng tháng thứ 10 liên tiếp

IHS Markit vừa công bố báo cáo cho thấy Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 7 tại Việt Nam đạt 51,2 điểm, thấp hơn mức 54 điểm của tháng 6. Đây là tháng thứ 10 liên tiếp chỉ số PMI của Việt Nam ghi nhận ở ngưỡng trên 50 điểm, cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất đang trong xu hướng phục hồi. Đơn đặt hàng mới cũng ghi nhận tăng tháng thứ 10 liên tiếp, khiến các nhà sản xuất tiếp tục tăng sản lượng trong tháng 7 với đà tăng tháng thứ 4 liên tiếp. Đồng thời, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng mạnh và nhanh hơn tổng số đơn đặt hàng mới. Nhờ đơn hàng tăng mạnh, các nhà sản xuất tiếp tục tuyển dụng thêm nhiều lao động với mức tăng ghi nhận tháng thứ 4 liên tiếp. Cùng với đó, các nhà sản xuất cũng tăng cường việc mua nguyên liệu đầu vào, phục vụ cho hoạt động sản xuất. Ngoài ra, tồn kho thành phẩm đã giảm trong tháng vừa qua. Đây là tháng thứ 5 liên tiếp ghi nhận tồn kho thành phẩm giảm trong bối cảnh đơn đặt hàng mới, sản lượng và đơn hàng xuất khẩu mới tăng trưởng tích cực. Tuy nhiên, báo cáo của HIS Markit cũng chỉ ra những thách thức mà các nhà sản xuất phải đối mặt trong tháng vừa qua là tình trạng sức cầu giảm, khó khăn trong khâu vận chuyển và áp lực giá cả. Đơn cử như tốc độ tăng của chi phí đầu vào vẫn cao hơn mức trung bình kể từ khi PMI được thực hiện ở Việt Nam. Điều này khiến giá thành phẩm tiếp tục tăng dù không đáng kể so với những tháng trước đó. Nhìn chung, các nhà sản xuất vẫn lạc quan cho rằng sản lượng sẽ tăng trong 12 tháng tới nhờ sức cầu tiếp tục cải thiện, điều kiện thị trường ổn định cũng như hoạt động đầu tư, kinh doanh có sự phát triển.

ACV: Lợi nhuận ACV đạt đỉnh nhờ chênh lệch tỷ giá

Tổng công ty hàng không Việt Nam (UPCoM: ACV) vừa công bố kết quả kinh doanh quý II với doanh thu thuần 3.429 tỷ đồng, gấp 2,5 lần so với cùng kỳ 2021. Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ hàng không đạt 3.265 tỷ đồng, tăng 123%, doanh thu bán hàng là 163,8 tỷ đồng, gấp 2,7 lần. Giá vốn hàng bán tăng ít hơn 20,7% lên 1.807 tỷ đồng, giúp biên lãi gộp cải thiện từ 0,01% lên 47,3%. Doanh thu tài chính của ACV đạt 1.906 tỷ đồng,

gấp 2 lần so với quý II/2021 nhờ khoản lãi chênh lệch tỷ giá tăng. Trong kỳ, đơn vị này lãi ròng khoảng 1.470 nhờ sự chênh lệch của tỷ giá. Chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp đều giảm trong khi chi phí bán hàng tăng. Tại đại hội cổ đông năm nay, Tổng giám đốc ACV Vũ Thế Phiệt cho biết bên cạnh việc thắt chặt chi phí của ACV, yếu tố đóng góp cho sự tăng trưởng mạnh của lợi nhuận còn đến từ chênh lệch tỷ giá. Hiện nay các khoản vay của tổng công ty chủ yếu bằng đồng yên Nhật. Tại thời điểm cuối quý II, 1 đồng yên Nhật đổi được 165,7 đồng VND, giảm 9,1% so với thời điểm đầu tháng 4. Kết quả ACV thu về 2.598 tỷ đồng lãi sau thuế, gấp 7,6 lần so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ là 2.597 tỷ đồng, mức cao kỷ lục. EPS được cải thiện từ 113 đồng lên 1.091 đồng.

PLX: trích lập dự phòng 1.330 tỷ đồng giảm giá hàng tồn kho

Petrolimex (HoSE: PLX) công bố BCTC hợp nhất với doanh thu 84.367 tỷ đồng, tăng 80% so với cùng kỳ năm trước; lỗ sau thuế cổ đông công ty mẹ 196 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước lãi 1.498 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng, doanh thu 151.387 tỷ đồng và lãi ròng 206 tỷ đồng, lần lượt tăng 78% và giảm 90%. Tập đoàn lý giải doanh thu tăng mạnh trong kỳ chủ yếu nhờ giá dầu thô thế giới (WTI) bình quân 6 tháng là 101 USD/thùng, tăng 64% so với cùng kỳ năm trước do xung đột quân sự Nga - Ukraine, các nước Tây Âu và Mỹ công bố biện pháp trừng phạt đối với lĩnh vực năng lượng của Nga. Giá thành phẩm các mặt hàng xăng, dầu ở mức 133 USD/thùng, tăng 91% do đặc thù giai đoạn vừa qua crack giữ dầu thô và dầu thành phẩm có biên độ rất lớn. Dù vậy, để đảm bảo không bị đứt gãy chuỗi cung ứng xăng dầu tại thị trường trong nước, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu thiết yếu của người dân cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tại thời điểm khó khăn về nguồn hàng và trong các chu kỳ giá thế giới tăng cao, Petrolimex phải tăng cường nhập khẩu để bù đắp. Biên lợi nhuận gộp cho hoạt động kinh doanh xăng dầu bị giảm lớn và tập trung trong quý II. Theo Petrolimex, hoạt động kinh doanh xăng dầu lỗ trước thuế 595 tỷ đồng nửa đầu năm trong khi sản lượng bán nội địa đạt hơn 5 tỷ m³/tấn, tăng 9% so với nửa đầu 2021. Lĩnh vực hóa dầu, nhựa đường, hóa chất đạt 369 tỷ đồng, kinh doanh gas đạt 79 tỷ đồng, vận tải xăng dầu 43 tỷ đồng, nhiên liệu hàng không đạt 91 tỷ đồng, kinh doanh bảo hiểm và ngân hàng 138 tỷ đồng, dịch vụ kho bãi 112 tỷ đồng và lĩnh vực khác 56 tỷ đồng.

TTF: lỗ quý II sau 4 quý lãi liên tiếp

Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (HoSE:TTF) công bố BCTC hợp nhất quý II với doanh thu thuần tăng 42,3% lên gần 623 tỷ đồng. Giá vốn hàng bán tăng gần 50% lên 548,2 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp tăng 4% lên 74,7 tỷ đồng. Lãi tiền gửi và cho vay gấp 48 lần lên 26,8 tỷ đồng nên doanh thu tài chính ở mức 21 tỷ đồng, cùng kỳ gần 2 tỷ đồng. Trong khi đó, chi phí tài chính là 33,3 tỷ đồng, cùng kỳ âm 14,2 tỷ đồng do phí lãi vay ở mức 30,2 tỷ đồng trong khi cùng kỳ đơn vị hoàn nhập 15,5 tỷ đồng. Chi phí bán hàng tăng 12% lên 43,5 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp gấp 7,8 lần lên 40,7 tỷ đồng, do năm ngoái được hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi 26,4 tỷ đồng. Ngoài ra, thu nhập khác gấp 11,7 lần lên 24,5 tỷ đồng, trong khi chi phí khác gấp 2,5 lần lên 12,4 tỷ đồng. Lợi nhuận khác cải thiện từ mức âm 2,7 tỷ đồng cùng kỳ lên 12,1 tỷ đồng. Kết quả, đơn vị ghi nhận lỗ sau thuế 10,8 tỷ đồng, cùng kỳ lãi 42 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ là âm 6,8 tỷ đồng, cùng kỳ 42,8 tỷ đồng.

POW: báo lãi quý II giảm một nửa

Theo BCTC hợp nhất quý II, Tổng công ty điện lực dầu khí Việt Nam (PV Power, HoSE: POW) ghi nhận 7.462 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn giảm 4% lên lợi nhuận gộp giảm 19% xuống 1.160 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 14,4% xuống 12,45%. Tổng công ty lý giải giá nhiên liệu than và khí được chấp nhận trong doanh thu thấp hơn giá than và khí thực tế phải trả cho bên cung cấp của các nhà máy nhiệt điện Cà Mau và Vũng Áng 1 khiến giá vốn giảm ít hơn doanh thu. Trong hoạt động tài chính, doanh thu giảm mạnh từ 374 tỷ đồng xuống 62 tỷ đồng do cùng kỳ năm trước có khoản thu từ thoái vốn tại PV Machino. Chi phí tài chính tăng 8%. Chi phí quản lý giảm 15% xuống 202 tỷ đồng. Tuy nhiên, hoạt động khác có lãi 881 triệu đồng trong khi cùng kỳ năm trước lỗ 125 tỷ đồng do phát sinh khoản chi phí khắc phục sự cố rotor tại nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1. Đồng thời, hoạt động liên doanh, liên kết tăng lãi từ 1,5 tỷ đồng lên 22 tỷ đồng. Tổng hợp từ các yếu tố trên, PV Power báo lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ quý II giảm 51% xuống 417 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng, doanh thu giảm 7% xuống 14.524 tỷ đồng và lợi nhuận ròng 1.139 tỷ đồng, giảm 16%.

GVR: báo lãi ròng tăng 26% trong quý II nhờ thanh lý vườn cây cao su

Tập đoàn cao su Việt Nam (HoSE: GVR) vừa công bố kết quả kinh doanh quý II với tổng doanh thu 5.573 tỷ đồng, giảm 2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu sản xuất kinh doanh mủ cao su đạt 3.245 tỷ đồng, giảm 1,5%; doanh thu chế biến gỗ là 1.179 tỷ đồng, tăng 8,8%. Giá vốn hàng bán đi ngang so với quý II/2021 khiến biên lãi gộp của tập đoàn giảm từ 28,6% còn 26,8%. Doanh thu tài chính đạt 240,6 tỷ đồng, tăng 21,4% so với cùng kỳ nhờ lãi chênh lệch tỷ giá tăng. Chi phí tài chính, chi phí bán hàng tăng lần lượt 18% và 23,6% trong chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 31% còn 397,5 tỷ đồng. Khoản lợi nhuận khác của công ty tăng 15,3% lên 307,6 tỷ đồng nhờ lãi thanh lý vườn cây cao su và thanh lý tài sản cố định. Kết quả, GVR thu về 1.199 tỷ đồng lãi sau thuế, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 1.068 tỷ đồng, tăng 26,3%; EPS được cải thiện từ 211 đồng lên 267 đồng.

NKG: lợi nhuận Nam Kim quý II giảm 76% từ đỉnh cùng kỳ năm trước

Thép Nam Kim (HoSE: NKG) công bố BCTC hợp nhất quý II với doanh thu 7.196 tỷ đồng, tăng nhẹ 3% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn tăng 11% nên biên lợi nhuận gộp giảm 32% xuống 894 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 18,6% xuống 12,4%. Doanh thu tài chính tăng 192% lên 108 tỷ đồng, chi phí tài chính tăng 83% lên 157 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp đồng thời tăng 121% và 80%. Theo đó, lợi nhuận doanh nghiệp tồn giảm 76% từ mức đỉnh 201 tỷ đồng cùng kỳ năm trước. Doanh nghiệp cho biết lợi nhuận giảm chủ yếu do giá vốn tăng cao. Lũy kế nửa đầu năm, doanh thu thuần đạt 14.347 tỷ đồng, giảm 21%; lãi ròng 708 tỷ đồng, giảm 39%. Doanh nghiệp thực hiện được 51,2% mục tiêu doanh thu và 44,2% mục tiêu lợi nhuận năm.

HSG: lãi ròng quý II giảm 84%

Tập đoàn Hoa Sen (HoSE:HSG) công bố BCTC hợp nhất quý III niên độ 2021-2022 (1/4-30/6) với doanh thu thuần giảm 6,2% xuống 12.177,2 tỷ đồng. Song giá vốn tăng 5,5% lên 10.582,3 tỷ đồng nên lợi nhuận gộp giảm gần 46% xuống 1.595 tỷ đồng. Doanh thu tài chính giảm 71% xuống 44 tỷ đồng, do đơn vị không còn 106,8 tỷ đồng lãi từ hoạt động đầu tư. Song chi phí tài chính tăng 44,7% lên 218,4 tỷ đồng. Doanh nghiệp ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá 158,8 tỷ đồng, lỗ ròng từ tỷ giá là 115,3 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ ròng 26,7 tỷ đồng. Các chi phí hoạt động đều ghi nhận đà tăng, với chi phí bán hàng tăng 18,4% lên 1.015 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 6,3% lên 115,4 tỷ đồng. Khoản thu nhập khác gấp 8,7 lần lên 23,6 tỷ đồng, phần lớn bởi đơn vị thu

về hơn 14 tỷ đồng từ việc thanh lý nhượng bán tài sản cố định trong quý III niên độ 2021-2022 trong khi cùng kỳ ở mức 779,2 triệu đồng. Chi phí khác giảm 16% còn 909,5 triệu đồng. Theo đó, lợi nhuận khác tăng từ 1,7 tỷ đồng lên 22,7 tỷ đồng. Kết quả, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ giảm 84,4% xuống 265 tỷ đồng.

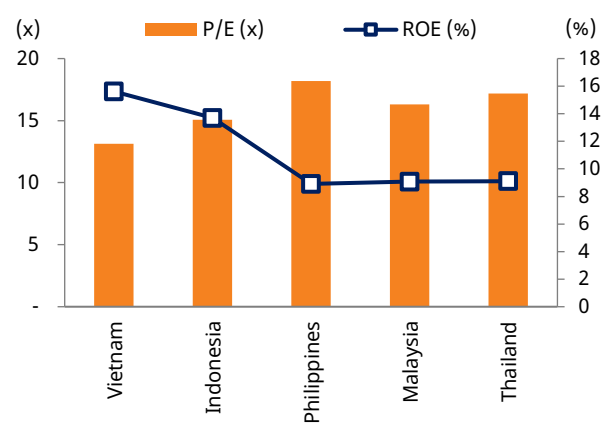
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ 2. VN Index: Định giá P/E lịch sử



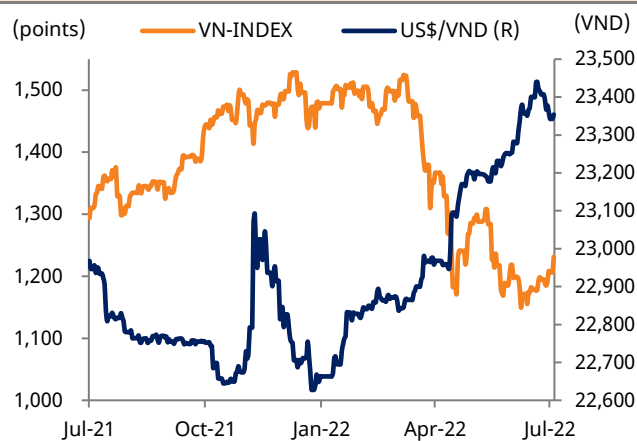
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. Định giá P/E và ROE các thị trường



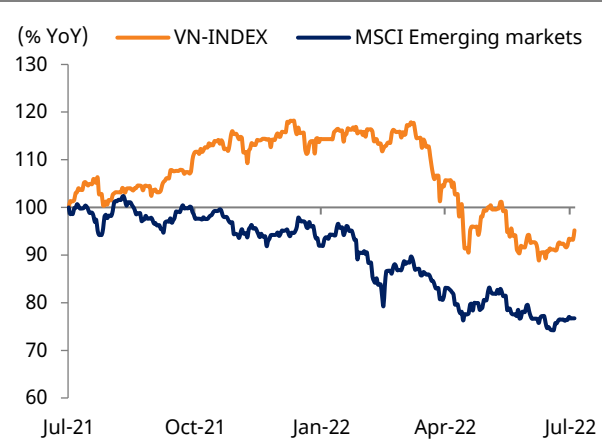
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. VN-Index và USD/VND



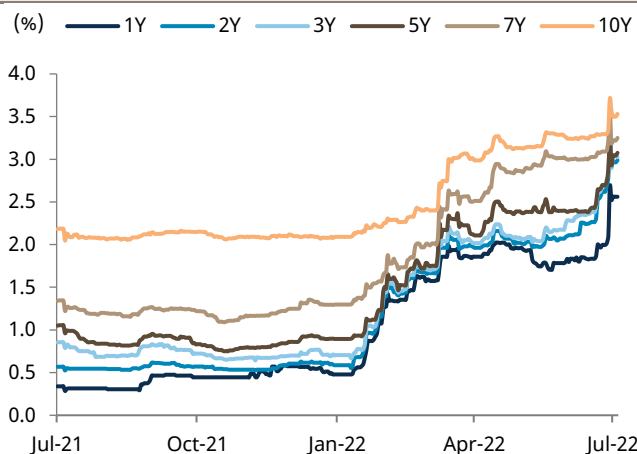
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. VN Index và MSCI Emerging Markets



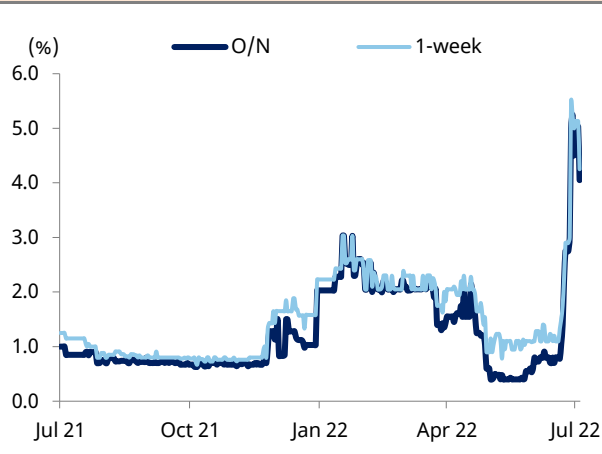
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,231.35	4,793,139		2.1	3.4	2.7	-6.0	14.2	11.7	2.2	1.9	35.3	21.2	15.5	19.2
VN30 Index	VN30	1,256.25	3,306,624		2.0	3.0	0.3	-13.2	11.8	10.5	2.2	1.8	38.5	12.4	19.6	20.9
Asia Commercial Bank	ACB VN	25,000	84,436	30.0	1.6	3.3	4.0	-13.6	8.9	6.8	1.9	1.5	24.6	31.0	23.5	24.9
BIDV	BID VN	39,000	197,282	16.9	4.6	9.7	11.3	19.3	22.6	14.8	2.4	2.1	50.3	52.4	11.0	16.0
Bao Viet Holdings	BVH VN	59,200	43,946	26.6	2.4	3.5	11.5	15.9	23.2	18.5	2.1	1.9	21.8	25.3	9.2	9.0
VietinBank	CTG VN	28,700	137,925	26.6	5.5	6.3	6.5	-16.6	9.8	7.4	1.5	1.2	18.2	32.8	15.8	18.3
FPT Corp	FPT VN	84,000	92,150	49.0	0.6	-1.4	-4.5	7.2	23.2	17.4	5.1	4.4	21.5	33.6	23.4	26.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	107,900	206,515	2.9	0.4	3.1	-4.5	20.4	24.8	14.9	4.0	3.5	8.1	66.3	16.8	24.2
Vietnam Rubber Group	GVR VN	24,700	98,800	0.4	3.3	6.9	9.3	-26.7	23.8	20.2	2.1	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	24,700	49,702	17.1	2.3	3.3	0.8	-8.4	8.1	6.9	1.7	1.4	42.5	18.1	23.3	22.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	22,800	132,577	20.4	6.0	7.3	1.8	-37.3	4.1	4.5	1.5	1.1	151.5	-8.3	42.8	28.6
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	38,500	27,598	28.9	2.7	3.2	9.0	4.1	23.6	19.8	2.7	2.4	3.1	19.5	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	26,500	100,126	23.2	3.3	6.4	9.5	-8.3	7.9	6.4	1.7	1.3	53.0	22.4	23.6	23.8
Masan Group Corp	MSN VN	109,400	155,755	28.8	3.1	-0.5	-0.1	-2.0	18.1	24.9	4.7	4.0	589.7	-27.4	35.1	17.4
Mobile World Investment Corp	MWG VN	61,300	89,725	49.0	0.5	-1.3	-12.8	12.1	17.8	14.5	4.3	3.5	18.2	22.6	27.3	25.7
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	74,700	145,653	5.8	0.3	1.4	0.4	-5.9	41.1	28.2	4.1	3.6	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	53,600	36,000	2.5	1.9	2.1	2.3	-21.0	20.0	#N/A	5.1	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	41,800	53,111	17.6	1.7	1.2	3.0	-18.5	23.4	19.5	2.1	2.1	160.6	19.9	9.7	11.0
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	26,650	56,169	20.5	0.2	3.9	17.1	-13.5	8.8	6.8	2.3	1.7	39.0	29.4	29.9	28.9
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,500	31,615	2.2	1.1	3.1	-0.7	26.2	17.8	16.2	1.1	1.0	-24.2	9.8	6.2	6.4
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	183,000	117,354	62.7	1.7	9.1	18.9	15.1	33.3	26.5	5.5	5.0	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	22,800	33,975	22.2	6.8	11.8	15.7	-32.7	9.4	8.6	1.7	1.3	100.3	8.5	21.0	19.3
Sacombank	STB VN	25,200	47,507	21.8	2.0	9.3	14.5	-15.7	15.5	14.4	1.4	1.2	30.6	7.4	9.5	11.6
Techcombank	TCB VN	38,600	135,521	22.5	1.8	5.5	7.2	-24.5	7.5	6.3	1.5	1.2	46.1	19.3	21.7	20.8
Tien Phong Bank	TPB VN	27,250	43,103	30.0	2.4	1.1	-0.2	5.1	8.4	11.8	1.7	1.3	28.5	-28.5	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	77,000	364,404	23.5	3.1	2.7	4.1	0.3	18.4	13.7	3.3	2.6	19.7	33.6	19.6	21.3
Vinhomes JSC	VHM VN	60,000	261,262	23.2	0.2	2.4	-2.3	-28.0	6.7	8.3	2.1	1.7	40.9	-19.5	36.9	22.6
Vingroup JSC	VIC VN	64,700	246,762	12.2	1.1	-2.7	-10.9	-32.1	#N/A	71.2	2.4	2.4	-145.6	232.7	-2.8	3.5
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	127,100	68,839	16.8	1.1	1.4	-2.3	12.5	914.4	45.5	4.1	#N/A	6.1	1,911.5	0.5	8.9
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	73,500	153,612	54.7	1.0	1.8	-0.3	-14.6	16.3	17.0	4.6	4.5	-5.3	-4.2	29.3	28.3
VPBank	VPB VN	29,100	129,363	17.6	1.4	5.1	0.0	-14.1	11.0	6.8	1.7	1.3	11.6	62.3	17.9	20.3
Vincom Retail JSC	VRE VN	29,000	65,897	31.8	3.6	10.3	1.2	4.9	50.2	29.7	2.2	2.0	-44.8	69.2	4.4	7.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.